# **BÀI GIẢNG LẬP TRÌNH WEB**

# Chương 6. THIẾT KẾ WEB THEO KIẾN TRÚC 3 TẦNG (3 – Tiers Architecture)

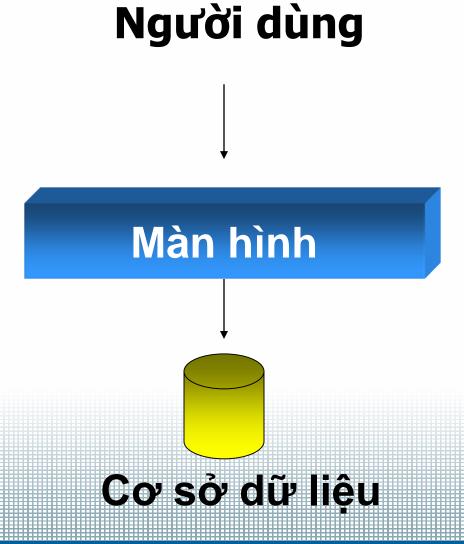
Nguyễn Thành Thủy

Trường Đại học Kinh tế - ĐH Đà Nẵng e-Mail: thuynt@due.edu.vn

# Nội dung

# Mô hình 3 tầng

- Tính chất kiến trúc 3 tầng
- Cài đặt mô hình 3 tầng

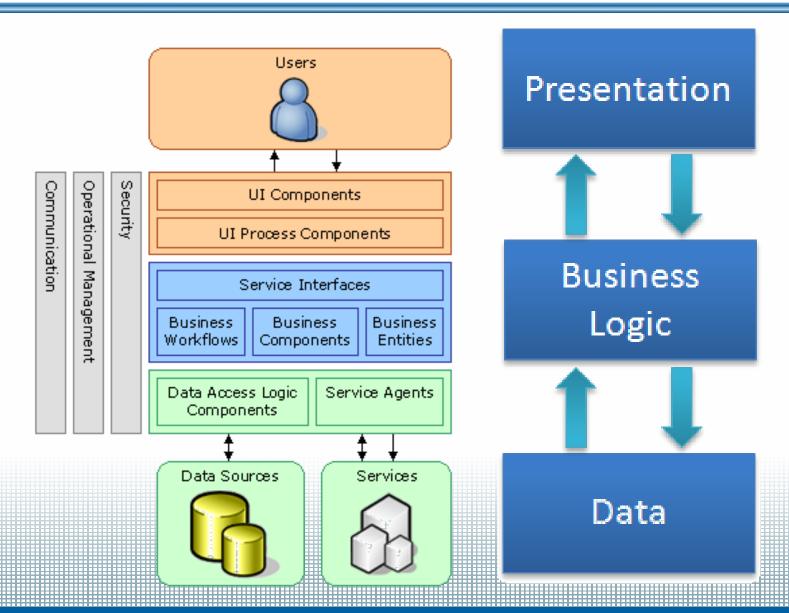


# Kiến trúc 3 tầng là gì?

# Ý tưởng ...

- Trong một công ty có từng phòng ban, mỗi phòng ban sẽ chịu trách nhiệm một công việc cụ thể nào đó, phòng này không được can thiệp vào công việc nội bộ của phòng kia.
  - → Áp dụng cách thức phân cấp chức năng này trong phát triển phần mềm.

- Kiến trúc 3 tầng (3-Tiers Architechture), tên gọi khác là kiến trúc 3 lớp, mô hình 3 lớp.
- □ Trong đó, các thực thể phần mềm được tổ chức thành 3 tầng chính:
  - Tầng giao diện (Presentation Layer PL).
  - Tầng nghiệp vụ (Business Layer BL).
  - Tầng dữ liệu (Data Layer DL).



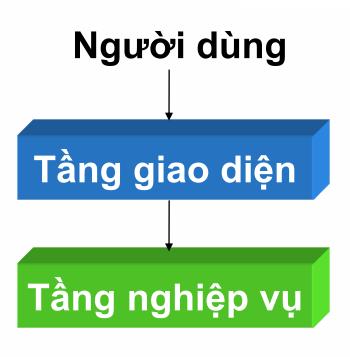
- □ Tầng giao diện (PL)
  - □ Hiển thị kết quả/dữ liệu trên màn hình.
  - Giao tiếp với người sử dụng, để thu thập dữ liệu.
  - Đóng gói và gửi dữ liệu người dùng xuống BL.

Người dùng

Tầng giao diện

# □ Tầng nghiệp vụ (BL)

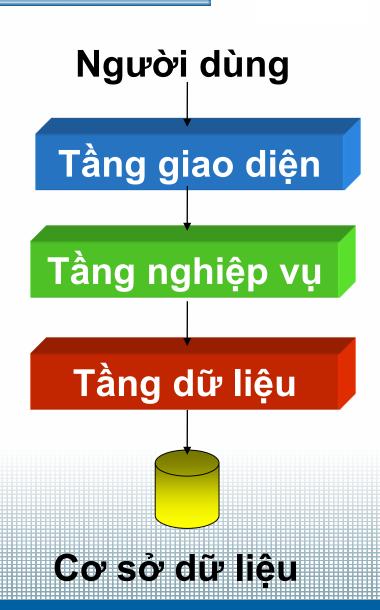
- Được xem như là cầu nối giữa hai tầng PL
   và DL
- Tiếp nhận các yêu cầu từ PL, hoàn thiện yêu cầu và gửi tiếp xuống DL để truy cập CSDL.
- Có thể sử dụng các web services từ nhà cung cấp thứ 3.



# Kiến trúc 3 tầng (tt)

# □ Tầng dữ liệu (DL)

- Thực hiện các yêu cầu từ BL gửi xuống.
- Bao gồm các hoạt động tương tác với CSDL vật lý.



# Ưu nhược điểm của kiến trúc 3 tầng

## □ Ưu điểm:

- Khả năng mở rộng
  - Có thể triển khai không giới hạn số lượng các máy chủ
  - Không cần đòi hỏi một kết nối từ client đến Database
- Khả năng tái sử dụng
  - Mã nguồn có thể được sử dụng cho nhiều ứng dụng khác nhau
- Tính toàn vẹn dữ liệu
  - Lớp BL đảm bảo những dữ liệu nào được phép cập nhật vào DataBase

# Ưu nhược điểm của kiến trúc 3 tầng

## □ Ưu điểm:

## □ Tính bảo mật cao

- Client không có quyền truy cập trực tiếp vào DataBase
- Các xử lý cần thiết của ứng dụng được gói trong BL và đặt tại máy chủ trung tâm.

# Giảm sự phân phối

Những cập nhật cần thiết của BL đều được xử lý tại máy chủ trung tâm.

## Tính sẵn sàng cao

 Có thể dễ dàng chuyển sang máy dự phòng khi có sự cố xảy ra tại máy chủ trung tâm.

# Ưu nhược điểm của kiến trúc 3 tầng

## Nhược điểm:

- Phức tạp trong khi thiết kế ứng dụng
  - Đòi hỏi sự ràng buộc chặt chẽ giữa các lớp trong mô hình ứng dụng.
  - Quan điểm về truyền thông được chú trọng.

# Nội dung

- Kiến trúc 3 tầng
- > Tính chất kiến trúc 3 tầng
- Cài đặt mô hình 3 tầng

# Tính chất kiến trúc 3 tầng

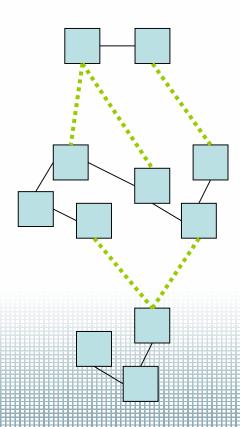
## □ Tính chất

Giảm sự gắn kết giữa các thực thể phần mềm.

Tầng giao diện

Tầng nghiệp vụ

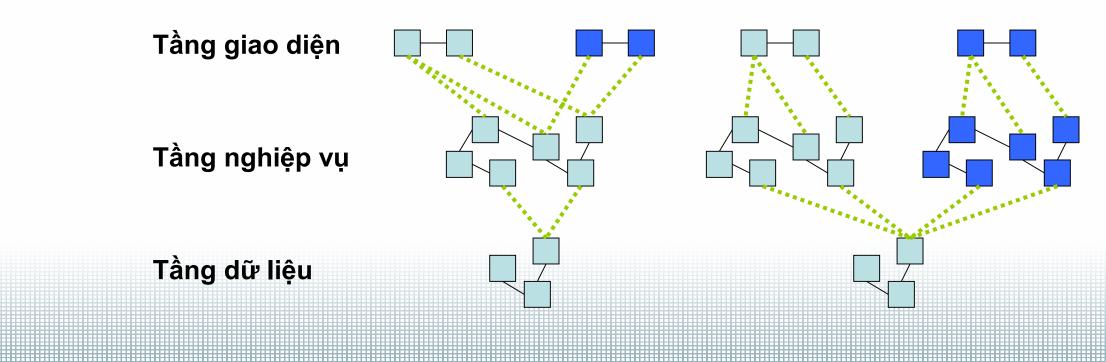
Tầng dữ liệu



# Tính chất kiến trúc 3 tầng

## □ Tính chất

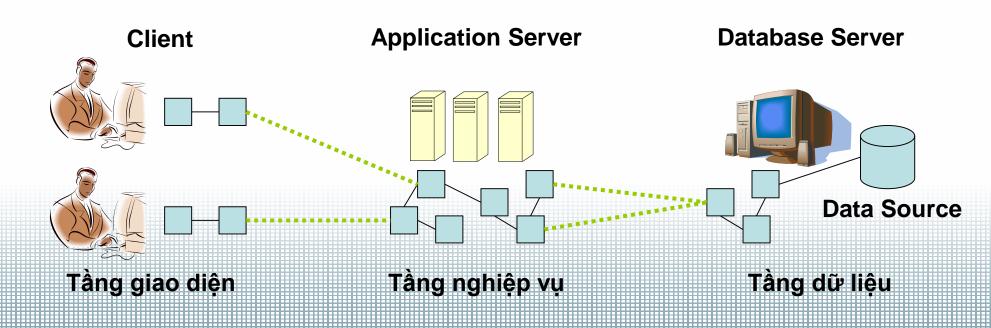
- Giảm sự gắn kết giữa các thực thể phần mềm
- Tái sử dụng.



# Tính chất kiến trúc 3 tầng

## □ Tính chất

- Giảm sự gắn kết giữa các thực thể phần mềm
- Tái sử dụng.
- Chia sẻ trách nhiệm.



# Nội dung

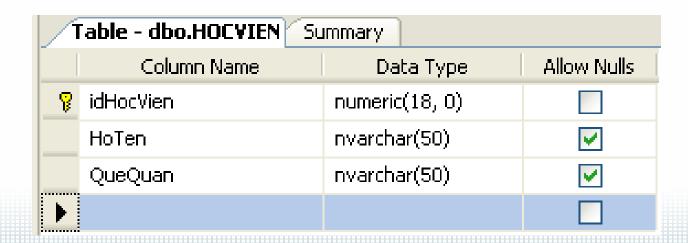
- Kiến trúc 3 tầng
- Tính chất kiến trúc 3 tầng
- Cài đặt mô hình 3 lớp

#### Mô tả bài toán quản lý học viên:

Xây dựng phân hệ thêm mới học viên, cho phép người dùng có thể thêm mới một hồ sơ của học viên từ trang web theo mô hình 3 lớp.

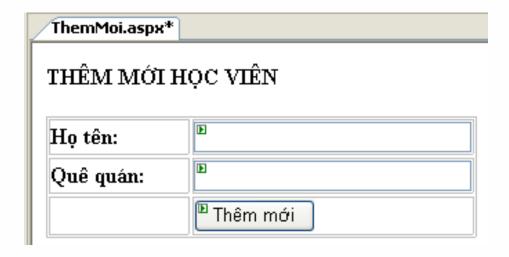
#### Chuẩn bị:

Tạo CSDL trên SQL Server đặt tên là QLHV. Tạo table HOCVIEN có cấu trúc như sau:



\* Download mã nguồn ví dụ này trên lớp học E-Learning để tham khảo.

- Lời giải truyền thống
  - □ Tạo 1 web form: ThemMoi.aspx



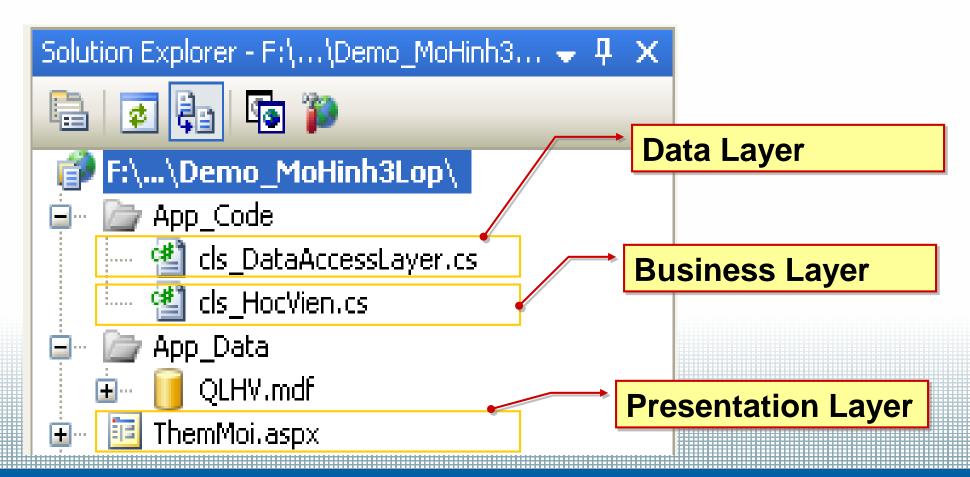
#### Lời giải truyền thống

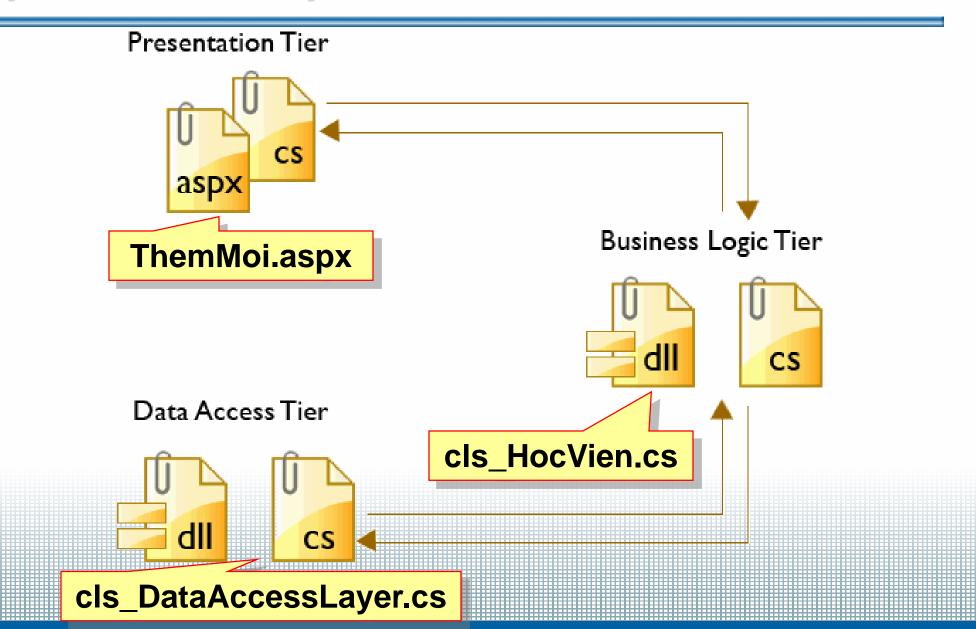
Hàm sự kiện btn\_ThemMoi\_Click()

```
protected void btn ThemMoi Click(object sender, EventArgs e)
   //Tạo kết nối đến CSDL vật lý
    SqlDataSource SqlDs = new SqlDataSource();
    SqlDS.ConnectionString = "Server=NGOCNHAN; Database=QLHV;"
                + "User ID=sa; Password=thuynt; Trusted Connection=False;";
    //Phát biểu Insert
    sqlDs.InsertCommand = "INSERT INTO HOCVIEN (HOTEN, QUEQUAN) "
        + " VALUES (@HoTen, @QueQuan)";
    //Thêm tham số cho phát biểu SQL
    SqlDS.InsertParameters.Add("HoTen", TypeCode.String, this.txt HoTen.Text);
    SqlDS.InsertParameters.Add("QueQuan", TypeCode.String, this.txt QueQuan.Text);
    //Thực thi Insert dữ liệu
    SqlDS.Insert();
    this.lbl ThongBao.Text = "Đã thêm mới thành công dữ liệu!!!";
    this.txt HoTen.Text = "";
    this.txt QueQuan.Text = "";
```

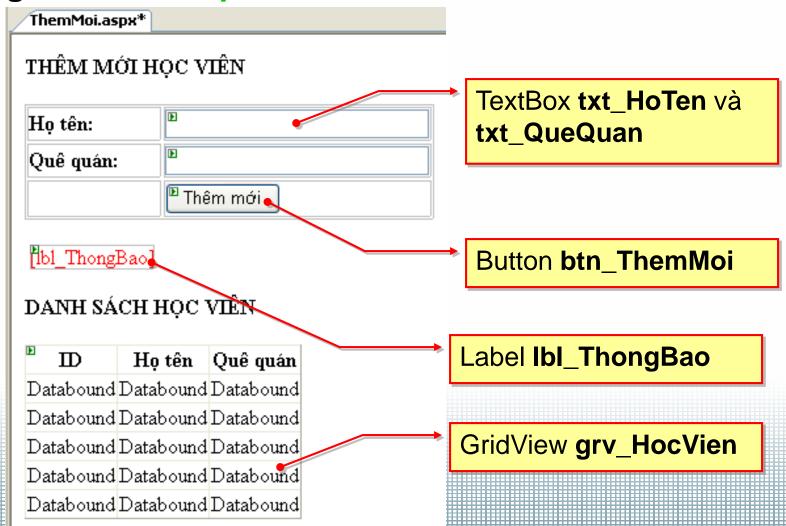
- Lời giải theo mô hình 3 lớp
  - Tạo 1 web form
    - ThemMoi.aspx (dùng chế độ code-behide)
  - □ Tạo 2 lớp (class)
    - cls\_HocVien.cs
    - cls\_DataAccessLayer.cs

Vai trò của các class và file Web Form trong mô hình 3 lớp





■ Thiết kế trang ThemMoi.aspx



#### □ File Code-Behide ThemMoi.aspx.cs

```
Khai báo lớp Business Layer
                                BL_HocVien để xử lý nghiệp vụ
3 public partial class Default : System.Web.UI.Page
       cls HocVien BL HocVien = new cls HocVien();
       protected void Page Load(object sender, EventArgs e)
              (!IsPostBack)
               BL HocVien.load DSHocVien(ref this.grv HocVien);
                      Gọi phương thức load_DSHocVien trong lớp
                      Business Layer để hiển thị dữ liệu lên GridView
```

Gói dữ liệu vào bản ghi
HOSO để gửi xuống lớp BL

□ File Code-Behide ThemMoi.aspx.cs

```
14 📥
        protected void btn_ThemMoi/Click(object sender, EventArgs e)
15
            //Tạo mới một bản ghi Hồ Sơ
16
            cls HocVien.HSHV HOSO = new cls HocVien.HSHV();
17
            HOSO.HoTen = this.txt HoTen.Text;
18
            HOSO.QueQuan = this.txt QueQuan.Text;
19
20
            //Gọi phương thức để ghi dữ liệu
21
22
            BL HocVien. Them Moi HocVien (HOSO);
23
            //Load du lieu moi len GridView
24
            BL\HocVien.load DSHocVien(ref this.grv HocVien);
25
26
            //Xba het du lieu da nhap tren cac TextBox
            this.txt HoTen.Text = "";
            this txt QueQuan. Text = "";
28
29
                     Gọi phương thức ThemMoiHocVien ở lớp
                                                               dữ liệu
30
                      BL thực hiện thêm mới hồ sơ học viên.
```

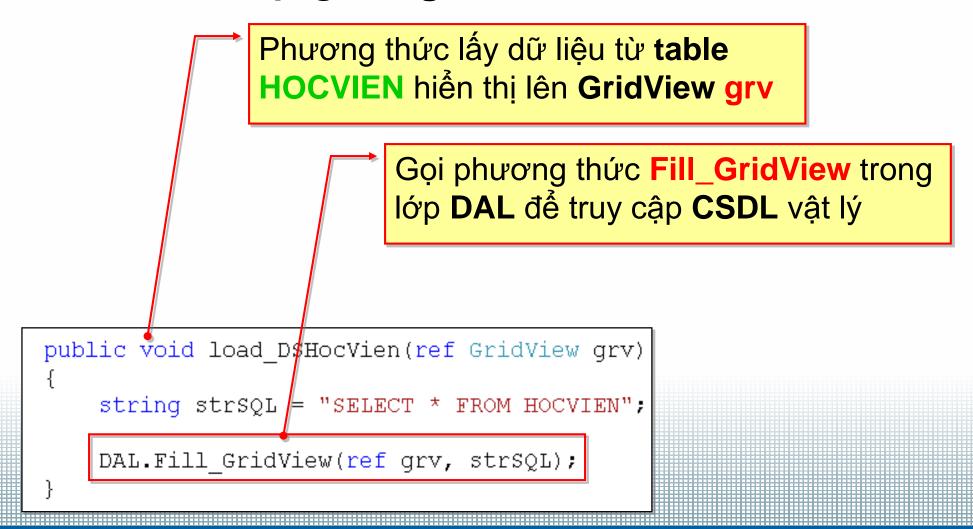
#### □ Lớp cls\_HocVien.cs (BL – Business Layer)

- Trong lớp này, chứa các phương thức thực hiện các nghiệp vụ xử lý các sự kiện trên web form.
- Là lớp trung gian tiếp nhận các yêu cầu từ lớp giao diện (web form), chuẩn bị các thủ tục cần thiết rồi gửi tiếp yêu cầu đó đến lớp DAL để xử lý và tương tác trên CSDL vật lý.

## Một số P/thức sử dụng trong cls\_HocVien.cs

```
Khai báo lớp DAL sẽ sử
                        dụng trong phân hệ
//Khai báo sử dụng lớp DataAccessLayer
cls DataAccessLayer DAL = new cls DataAccessLayer();
 /Khai báo Bản ghi các thuộc tính trong CSDL QLHV - Bảng HOCVIEN
public class HSHV
    public string IdHocVien { get; set; }
    public string HoTen { get; set; }
    public string QueQuan { get; set; }
   Khai báo cấu trúc bản ghi các thuộc tính
   của CSDL HOCVIEN, dùng để đóng gói
   dữ liệu chuyển xuống lớp DAL
```

## Một số P/thức sử dụng trong cls\_HocVien.cs



## Một số P/thức sử dụng trong cls\_HocVien.cs

```
Phương thức lưu dữ liệu trên Web Form vào
              table HOCVIEN, dữ liệu đã được đóng gói trong
              bản ghi HOSO, do lớp PL (giao diện) gửi xuống.
       public void ThemMoiHocVien(HSHV HOSO)
24
25
26
            string strSQL = "INSERT INTO HOCVIEN (HOTEN, QUEQUAN)
    VALUES (@HoTen, @QueQuan)";
27
            SqlParameter[] ThamSo ={
28
               new SqlParameter("HoTen", HOSO.HoTen),
29
               new SqlParameter("QueQuan", HOSO.QueQuan)
30
            };
31
32
           DAL.Execute(strSQL, ThamSo);
                        Gọi phương thức Execute trong
```

lớp DAL để truy cập CSDL vật lý.

#### Lóp cls\_DataAccessLayer.cs (DAL)

- Trong lớp này, chứa các phương thức thực hiện thao tác trên CSDL vật lý như:
  - Két nối và Ngắt kết nối vào Server CSDL
  - Vấn tin dữ liệu: Select, Delete, Insert, Update, ...

#### Lóp cls\_DataAccessLayer.cs (DAL)

```
Khai báo đối tượng SqlConnection
□ public class cls DataA¢cessLayer
     SqlConnection Conn = new SqlConnection();
     public cls DataAccessLayer()
         Conn.ConnectionString = "Server=NGOCNHAN; Database=QLHV;"
             + "User ID=sa; Password=thuynt; Trusted Connection=False; ";
                         Thiết lập thuộc tính ConnectionString
                                để kết nối vào SQL Server
```

- Một số phương thức thông dụng trong DAL
  - DataTable Select(string strSQL)
    - Thực hiện lệnh vấn tin <u>SELECT</u> trên CSDL vật lý, theo chuỗi vấn tin <u>strSQL</u> truyền vào.
    - Sử dụng trong trường hợp vấn tin không có tham số.
    - Kết quả trả về là một đối tượng DataTable, chứa các bảng ghi kết quả của vấn tin SQL.
  - DataTable Select(string strSQL, SqlParameter[]
    ThamSo)
    - Sử dụng trong trường hợp vấn tin có tham số.

- Một số phương thức thông dụng trong DAL
  - Execute(string strSQL)
    - Thực hiện các lệnh vấn tin: <u>INSERT</u>, <u>DELETE</u>, <u>UPDATE</u> trên CSDL vật lý, theo chuỗi vấn tin strSQL truyền vào.
    - Sử dụng trong trường hợp vấn tin không có tham số.
  - - Sử dụng trong trường hợp vấn tin có tham số.

- Một số phương thức thông dụng trong DAL
  - □ Fill\_GridView(ref GridView grv, string strSQL)
    - Lấy kết quả vấn tin trong chuỗi strSQL đặt vào một GridView grv.
    - Sử dụng trong trường hợp vấn tin không có tham số.
  - □ Fill\_GridView(ref GridView grv, string strSQL, SqlParameter[] ThamSo)
    - Sử dụng trong trường hợp vấn tin có tham số.

## Tổng quát các bước đệ trình xử lý trong 3 lớp

